

## **Công ty Cổ phần Hùng Vương**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019



# Công ty Cổ phần Hùng Vương

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 46

# Công ty Cổ phần Hùng Vương

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hùng Vương ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5303000053 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15 tháng 1 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 141/QĐ-SDGHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") cấp ngày 16 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nuôi trồng và chế biến hải sản xuất khẩu; chế biến thức ăn thủy sản; và kinh doanh kho lạnh.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Ngọc Minh	Chủ tịch
Ông Hà Việt Thắng	Phó Chủ tịch
Bà Lê Kim Phụng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Ký	Thành viên
Ông Lê Nam Thành	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Ngọc Vân	Trưởng ban
Ông Huỳnh Tấn Trương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lâm	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Ngọc Minh	Tổng Giám đốc
Bà Lê Kim Phụng	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Dương Ngọc Minh.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Hùng Vương

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hùng Vương ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phân ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1 trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") để ngày 11 tháng 6 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập của Tập đoàn để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Dương Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Ngày 11 tháng 6 năm 2019

Số tham chiếu: 60859962/21026003-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Hùng Vương**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hùng Vương ("Công ty"), được lập vào ngày 11 tháng 6 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 46 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 31 tháng 3 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### ***Các vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ về lỗi lũy kế của Công ty là 402.686.937.594 VND và tổng nợ ngắn hạn của Công ty cũng đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 12.375.767.904 VND. Những điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.1 có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 20.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trình bày về việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 và việc Ban Tổng Giám đốc Công ty đang thực hiện kế hoạch khắc phục việc lợi nhuận chưa phân phối lũy kế bị âm tại ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ngoài ra, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 11 tháng 6 năm 2019 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh về giả định hoạt động liên tục và việc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức làm âm lợi nhuận chưa phân phối.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Ernest Young Chin Kang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1891-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 6 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>5.834.819.067.298</b>	<b>5.602.330.253.882</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>61.853.016.822</b>	<b>351.738.057.949</b>
111	1. Tiền		26.853.016.822	316.738.057.949
112	2. Các khoản tương đương tiền		35.000.000.000	35.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>4.126.803.949.954</b>	<b>3.442.044.625.781</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.466.647.395.669	2.777.394.724.620
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	298.530.741.116	223.126.615.798
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	869.223.148.670	950.384.676.538
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(507.597.335.501)	(508.861.391.175)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>1.451.963.553.404</b>	<b>1.622.156.004.133</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.463.644.010.772	1.633.836.461.501
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.680.457.368)	(11.680.457.368)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>194.198.547.118</b>	<b>186.391.566.019</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		180.605.785	394.579.692
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	133.678.941.300	126.136.174.126
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		60.339.000.033	59.860.812.201
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.896.168.963.494</b>	<b>1.893.602.476.846</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>43.962.624.413</b>	<b>50.633.283.578</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	42.249.912.834	48.888.227.505
222	Nguyên giá		222.299.442.351	222.299.442.351
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(180.049.529.517)	(173.411.214.846)
227	2. Tài sản cố định vô hình		1.712.711.579	1.745.056.073
228	Nguyên giá		2.962.450.726	2.962.450.726
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.249.739.147)	(1.217.394.653)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>65.649.460.966</b>	<b>64.285.560.966</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	65.649.460.966	64.285.560.966
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>1.724.797.254.115</b>	<b>1.722.227.254.115</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con	12.1	1.221.240.739.697	1.218.670.739.697
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.2	730.456.481.998	730.456.481.998
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.3	2.240.000.000	2.240.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12.1, 12.2	(229.139.967.580)	(229.139.967.580)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>61.759.624.000</b>	<b>56.456.378.187</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	15.679.263.236	16.462.466.672
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.4	46.080.360.764	39.993.911.515
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>7.730.988.030.792</b>	<b>7.495.932.730.728</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.847.769.985.152</b>	<b>5.639.660.892.322</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>5.847.194.835.202</b>	<b>5.639.095.692.372</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	3.579.348.475.772	2.973.342.044.391
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	140.277.182.787	164.380.444.190
314	3. Phải trả người lao động		336.518.465	1.661.741.547
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	101.851.626.906	84.229.604.661
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	472.811.408.337	743.717.029.191
320	6. Vay ngắn hạn	19	1.552.569.622.935	1.671.764.828.392
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>575.149.950</b>	<b>565.199.950</b>
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn		575.149.950	565.199.950
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.883.218.045.640</b>	<b>1.856.271.838.406</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.1</b>	<b>1.883.218.045.640</b>	<b>1.856.271.838.406</b>
411	1. Vốn cổ phần		2.270.382.910.000	2.270.382.910.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		2.270.382.910.000	2.270.382.910.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		62.796.819.000	62.796.819.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(50.963.000.000)	(50.963.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		3.688.254.234	3.688.254.234
421	5. Lỗ lũy kế		(402.686.937.594)	(429.633.144.828)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(429.633.144.828)	(619.895.400.801)
421b	- Lợi nhuận sau thuế kỳ này		26.946.207.234	190.262.255.973
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>7.730.988.030.792</b>	<b>7.495.932.730.728</b>

  
Lê Nguyễn Hoàng Quân  
Người lập

  
Trần Hiếu Hòa  
Kế toán trưởng

  
Đương Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 6 năm 2019




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.212.829.590.601	1.916.565.200.437
02	2. Các khoản giảm trừ	21.1	(8.478.112.244)	(28.866.523.674)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.204.351.478.357	1.887.698.676.763
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(2.013.059.668.049)	(2.013.713.200.010)
20	5. Lãi (lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		191.291.810.308	(126.014.523.247)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	2.737.412.234	418.413.667.026
22	7. Chi phí tài chính	23	(68.412.163.813)	(100.055.313.781)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(64.519.807.531)	(94.684.834.284)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(76.461.469.988)	(93.044.999.379)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(26.713.001.949)	(81.840.648.833)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.442.586.792	17.458.181.786
31	11. Thu nhập khác		8.165.350	675.979.634
32	12. Chi phí khác		(1.590.994.157)	(23.755.408)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(1.582.828.807)	652.224.226
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.859.757.985	18.110.406.012
51	15. Chi phí thuế TNDN		-	-
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	26.4	6.086.449.249	(1.082.885.438)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		26.946.207.234	17.027.520.574

  
Lê Nguyễn Hoàng Quân  
Người lập

  
Trần Hiếu Hòa  
Kế toán trưởng



  
Dương Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 6 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>20.859.757.985</b>	<b>18.110.406.012</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		6.670.659.165	9.908.869.605
03	(Hoàn nhập dự phòng dự phòng		(1,264,055,674)	59.144.323.736
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		4.679.819.985	1.852.997.548
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.195.440.345)	(417.526.217.830)
06	Chi phí lãi vay	23	64.519.807.531	94.684.834.284
<b>08</b>	<b>Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>93.270.548.647</b>	<b>(233.824.786.645)</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(703.961.126.700)	349.197.178.116
10	Giảm hàng tồn kho		170.192.450.729	577.813.301.004
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		308.537.006.291	(478.733.931.644)
12	Giảm chi phí trả trước		997.177.343	1.129.225.924
14	Tiền lãi vay đã trả		(45.688.987.554)	(94.998.217.713)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(176.652.931.244)</b>	<b>120.582.769.042</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi xây dựng TSCĐ		(1.363.900.000)	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.570.000.000)	(600.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	787.642.865.050
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.899.706.177	79.558.609.214
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>5.965.806.177</b>	<b>866.601.474.264</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	19	737.854.452.249	1.432.656.701.412
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(857.049.657.706)	(2.421.622.149.315)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(119.195.205.457)</b>	<b>(988.965.447.903)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(289.882.330.524)	(1.781.204.597)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		351.738.057.949	94.843.406.443
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.710.603)	(4.765.824)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	61.853.016.822	93.057.436.022



Lê Nguyễn Hoàng Quân  
Người lập



Trần Hiếu Hòa  
Kế toán trưởng



Dương Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hùng Vương ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5303000053 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15 tháng 1 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép niêm yết số 141/QĐ-SDGHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong kỳ hiện hành của Công ty là nuôi trồng và chế biến hải sản xuất khẩu; chế biến thức ăn thủy sản; và kinh doanh kho lạnh.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 là 522 (ngày 30 tháng 9 năm 2018: 517).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Giả định về hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, lỗ lũy kế của Công ty là 402.686.937.594 VND, tổng nợ ngắn hạn của Công ty cũng đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 12.375.767.904 VND và Công ty có các khoản vay đến hạn trả chưa được thanh toán tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty sắp xếp được dòng tiền và kinh doanh có lợi nhuận trong tương lai cũng như việc được tái cơ cấu các khoản nợ vay ngân hàng.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã lập kế hoạch lợi nhuận và dòng tiền kế hoạch trong 12 tháng tiếp theo dự kiến sẽ được tạo ra từ hoạt động kinh doanh và thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn mà theo đó, lợi nhuận và dòng tiền kế hoạch của Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Thêm vào đó, Công ty đang trong quá trình xin sự phê duyệt của Ngân hàng cho việc gia hạn thời hạn thanh toán các khoản vay. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện đối với tài sản và nợ phải trả của Công ty trong trường hợp Công ty không có khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai.

### 2.2 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 12*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") vào ngày 11 tháng 6 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.5 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc ngày 30 tháng 9.

**2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản và giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

##### *Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	41 năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 10 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	6 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Phương tiện vận tải	3 năm
Tài sản khác	3 năm

**3.7 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên doanh*

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát, được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

##### Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
Tiền mặt	9.252.472.278	6.103.030.754
Tiền gửi ngân hàng	17.600.544.544	310.635.027.195
Các khoản tương đương tiền (*)	35.000.000.000	35.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>61.853.016.822</b>	<b>351.738.057.949</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất theo lãi suất tiền gửi đang áp dụng.

Như đã được đề cập trong *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp các khoản tiền gửi tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
Bên thứ ba	2.764.212.816.478	2.206.308.913.133
- Công ty Cổ phần Thủy sản Số 4 - Chi nhánh Đồng Tâm	704.218.359.170	638.713.563.019
- Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông	609.950.616.802	-
- Khách hàng khác	1.450.043.840.506	1.567.595.350.114
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	<u>702.434.579.191</u>	<u>571.085.811.487</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.466.647.395.669</b>	<b>2.777.394.724.620</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(507.597.335.501)</u>	<u>(508.861.391.175)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>2.959.050.060.168</u></b>	<b><u>2.268.533.333.445</u></b>

Chi tiết phải thu khách hàng được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
Khách hàng trong nước	2.562.220.674.620	1.775.384.141.324
Khách hàng nước ngoài	<u>904.426.721.049</u>	<u>1.002.010.583.296</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.466.647.395.669</u></b>	<b><u>2.777.394.724.620</u></b>
Trong đó, ngoại tệ:		
Đô la Mỹ (USD)	33.804.696	43.015.030
Euro (EUR)	7.037	7.037

Như đã được đề cập trong *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp một số khoản phải thu khách hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018
Số đầu kỳ	508.861.391.175	450.390.938.398
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	57.205.805.453
Trừ: Hoàn nhập/xóa sổ dự phòng trong kỳ	<u>(1.264.055.674)</u>	<u>(17.647.454.146)</u>
Số cuối kỳ	<u>507.597.335.501</u>	<u>489.949.289.705</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
Bên thứ ba	287.224.923.962	222.431.054.012
- Glencore Grain B.V.Blaak	75.056.504.945	75.056.504.945
- Ông Châu Duy Cường	46.683.834.518	40.083.834.518
- Khác	165.484.584.499	107.290.714.549
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	11.305.817.154	695.561.786
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>298.530.741.116</b>	<b>223.126.615.798</b>

Chi tiết của các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
Nhà cung cấp trong nước	214.000.114.887	138.595.989.569
Nhà cung cấp nước ngoài	84.530.626.229	84.530.626.229
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>298.530.741.116</b>	<b>223.126.615.798</b>
Trong đó, ngoại tệ:		
USD	3.646.713	3.710.895
EUR	64.182	-

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
Tạm ứng hoàn lại phải thu	621.269.356.854	576.683.970.240
Tạm ứng chuyển nhượng phần vốn góp (i)	155.000.000.000	-
Phải thu từ Hợp đồng Hợp tác Kinh Doanh	30.000.480.758	30.000.480.758
Ký quỹ cho khoản vay (ii)	20.630.938.672	20.630.938.672
Cổ tức phải thu	6.274.546.022	13.978.811.854
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần VTF	-	255.959.777.331
Khác	36.047.826.364	53.130.697.683
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>869.223.148.670</b>	<b>950.384.676.538</b>
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	647.016.826.139	723.710.519.463
Bên thứ ba	222.206.322.531	226.674.157.075

(i) Đây là khoản tạm ứng để mua 100% phần vốn góp trong Công ty TNHH Giống - Chăn nuôi Việt Thắng An Giang và Công ty TNHH Giống - Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định từ Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến việc nhận chuyển nhượng (Thuyết minh số 30).

(ii) Như đã được đề cập trong Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp khoản ký quỹ có giá trị 20 tỷ VND nhằm bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 8. NỢ QUÁ HẠN

	Ngày 31 tháng 3 năm 2019		Ngày 30 tháng 9 năm 2018		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị		Dự phòng
Folgender Ltd	134.545.920.220	80.186.539.412	54.359.380.808	228.519.588.852	80.186.539.412	148.333.049.440
Frigorificos Hv6 S.L	90.966.775.834	80.608.609.329	10.358.166.505	91.516.898.884	80.608.609.329	10.908.289.555
Grupo Amatista	58.195.082.000	58.195.082.000	-	58.195.082.000	58.195.082.000	-
K&M Seafood	57.407.016.020	57.407.016.020	-	57.407.016.020	57.407.016.020	-
Products Mexico	44.783.401.035	44.783.401.035	-	44.783.401.035	44.783.401.035	-
Blue Is INC	403.261.982.479	186.416.687.705	216.845.294.774	361.494.746.732	187.680.743.379	173.814.003.353
Khác						
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>789.160.177.588</b>	<b>507.597.335.501</b>	<b>281.562.842.087</b>	<b>841.916.733.523</b>	<b>508.861.391.175</b>	<b>333.055.342.348</b>

### 9. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 31 tháng 3 năm 2019		Ngày 30 tháng 9 năm 2018		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Thành phẩm	797.107.351.334	-	797.107.351.334	956.598.919.429	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	324.581.369.456	-	324.581.369.456	437.553.046.631	-
Nguyên liệu, vật liệu	249.408.707.543	-	249.408.707.543	147.137.913.002	-
Hàng hóa	92.546.582.439	(11.680.457.368)	92.546.582.439	92.546.582.439	(11.680.457.368)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.463.644.010.772</b>	<b>(11.680.457.368)</b>	<b>1.463.644.010.772</b>	<b>1.633.836.461.501</b>	<b>(11.680.457.368)</b>

Như đã được đề cập trong Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp một số hàng tồn kho để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

**Công ty Cổ phần Hùng Vương**

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						VND
Ngày 30 tháng 9 năm 2018 và ngày 31 tháng 3 năm 2019	118.051.183.576	80.249.749.539	23.058.230.991	562.657.745	377.620.500	222.299.442.351
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	52.269.894.664	59.281.532.346	6.768.570.763	562.657.745	377.620.500	119.260.276.018
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Ngày 30 tháng 9 năm 2018	81.887.023.310	77.046.770.013	13.537.143.278	562.657.745	377.620.500	173.411.214.846
Khấu hao trong kỳ	3.585.955.020	1.329.953.407	1.722.406.244	-	-	6.638.314.671
Ngày 31 tháng 3 năm 2019	85.472.978.330	78.376.723.420	15.259.549.522	562.657.745	377.620.500	180.049.529.517
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Ngày 30 tháng 9 năm 2018	36.164.160.266	3.202.979.526	9.521.087.713	-	-	48.888.227.505
Ngày 31 tháng 3 năm 2019	32.578.205.246	1.873.026.119	7.798.681.469	-	-	42.249.912.834
<b>Trong đó:</b>						
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)	32.578.205.246	1.873.026.119	7.798.681.469	-	-	42.249.912.834

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Khoản này chủ yếu thể hiện giá trị tiền thuê đất đã chi trả cho các lô đất C10-C12 tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo hợp đồng thuê lại đất số 9/HĐTĐ/HIPC.09 ngày 9 tháng 11 năm 2009 với tổng giá trị 84 tỷ VND.

Như đã được đề cập trong *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp giá trị tiền thuê đất nhằm bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
Đầu tư vào công ty con ( <i>Thuyết minh số 12.1</i> )	1.221.240.739.697	1.218.670.739.697
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh ( <i>Thuyết minh số 12.2</i> )	730.456.481.998	730.456.481.998
Đầu tư vào đơn vị khác ( <i>Thuyết minh số 12.3</i> )	2.240.000.000	2.240.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(229.139.967.580)</u>	<u>(229.139.967.580)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.724.797.254.115</u></b>	<b><u>1.722.227.254.115</u></b>



## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 31 tháng 3 năm 2019		Ngày 30 tháng 9 năm 2018	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang ("AGF") (*)	ché biến và xuất khẩu thủy sản	Đang hoạt động	79,58	447.630.839.697	79,58	447.630.839.697
Công ty Cổ phần Địa ốc An Lạc	phát triển bất động sản	Đang hoạt động	76,00	236.625.000.000	76,00	236.625.000.000
Công ty TNHH Ché Biến Thủy Sản Hùng Vương Bến Tre	nuôi trồng, ché biến; và xuất khẩu thủy sản	Đang hoạt động	90,00	180.000.000.000	90,00	180.000.000.000
Công ty TNHH Châu Á ("ASI")(**)	nuôi trồng thủy sản, ché biến, xuất khẩu thủy sản	Đang hoạt động	94,00	143.434.000.000	95,91	140.864.000.000
Công ty Cổ phần Châu Âu	nuôi trồng, ché biến và xuất khẩu thủy sản; và ché biến thức ăn gia súc, gia cầm	Đang hoạt động	80,00	128.000.000.000	80,00	128.000.000.000
Công ty Cổ phần Ché biến Thức ăn Xuất Khẩu Tắc Vân	sản xuất, ché biến và xuất khẩu tôm sú	Đang hoạt động	66,78	53.420.900.000	66,78	53.420.900.000
Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc	sản xuất và ché biến thức ăn thủy sản, gia súc; và gia cầm	Đang hoạt động	51,00	32.130.000.000	51,00	32.130.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>1.221.240.739.697</b>		<b>1.218.670.739.697</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn				(134.226.457.011)		(134.226.457.011)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>				<b>1.087.014.282.686</b>		<b>1.084.444.282.686</b>

(\*) Công ty đã thế chấp 19.000.000 cổ phiếu AGF để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 19).

(\*\*) Công ty đã thế chấp toàn bộ phần vốn góp tại ASI để đảm bảo cho khoản vay của ASI tại ngân hàng thương mại.

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 12.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 31 tháng 3 năm 2019		Ngày 30 tháng 9 năm 2018	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản	Đang hoạt động	48,00	288.000.000.000	48,00	288.000.000.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thăng ("VTF") (*)	sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản, gia súc; và gia cầm	Đang hoạt động	33,16	260.414.081.998	33,16	260.414.081.998
Công ty TNHH Hùng Vương - Sa Đéc	nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản	Đang hoạt động	40,00	100.000.000.000	40,00	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Thủy Sản Hùng Vương - Vĩnh Long	sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản, gia súc và gia cầm	Đang hoạt động	38,75	31.000.000.000	38,75	31.000.000.000
Công ty TNHH Hùng Vương Mascato	nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Đang hoạt động	60,00	30.000.000.000	60,00	30.000.000.000
Công ty TNHH Hùng Vương Vĩnh Long	sản xuất, chế biến, mua bán, bảo quản thủy sản	Đang hoạt động	31,67	19.000.000.000	31,67	19.000.000.000
Công ty Cổ phần Bóng đá Hùng Vương - An Giang	hoạt động của các câu lạc bộ thể thao và các cơ sở thể thao	Đang hoạt động	48,00	2.042.400.000	48,00	2.042.400.000
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>730.456.481.998</b>		<b>730.456.481.998</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn				(94.913.510.569)		(94.913.510.569)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>				<b>635.542.971.429</b>		<b>635.542.971.429</b>

(\*) Công ty đã thế chấp 8.200.000 cổ phiếu VTF để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 19) và Công ty đã thế chấp 14.700.000 cổ phiếu VTF để đảm bảo cho khoản vay của ASI tại ngân hàng thương mại.

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 12.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 31 tháng 3 năm 2019		Ngày 30 tháng 9 năm 2018	
	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu %	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu %
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	2.240.000.000	0,75	2.240.000.000	0,75

### 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
Tiền thuê đất trả trước (*)	14.270.393.270	14.496.945.932
Phí bảo trì	1.072.453.303	1.548.364.075
Công cụ và dụng cụ	336.416.663	417.156.665
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.679.263.236</b>	<b>16.462.466.672</b>

(\*) Như đã được đề cập trong *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
Bên thứ ba	473.901.620.364	943.376.880.287
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	3.105.446.855.408	2.029.965.164.104
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.579.348.475.772</u></b>	<b><u>2.973.342.044.391</u></b>

Chi tiết các khoản phải trả người bán được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
Nhà cung cấp trong nước	3.559.751.103.011	2.966.289.965.859
Nhà cung cấp nước ngoài	19.597.372.761	7.052.078.532
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.579.348.475.772</u></b>	<b><u>2.973.342.044.391</u></b>
<i>Trong đó, ngoại tệ:</i>		
<i>USD</i>	842.898	309.302

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
Bên thứ ba	14.525.091.161	12.200.304.292
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	125.752.091.626	152.180.139.898
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>140.277.182.787</u></b>	<b><u>164.380.444.190</u></b>

Chi tiết các khoản người mua trả tiền trước được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
Khách hàng trong nước	135.290.517.083	161.716.565.355
Khách hàng nước ngoài	4.986.665.704	2.663.878.835
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>140.277.182.787</u></b>	<b><u>164.380.444.190</u></b>
<i>Trong đó, ngoại tệ:</i>		
<i>USD</i>	215.712	110.367

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. THUẾ**

				VND
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31 tháng 3 năm 2019
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	126.136.174.126	7.542.767.174		- 133.678.941.300
Thuế nhập khẩu	46.083.013.225	133.909.859		- 46.216.923.084
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	12.909.113.168	-		- 12.909.113.168
Khác	868.685.808	1.212.963.781	(868.685.808)	1.212.963.781
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>185.996.986.327</b>	<b>8.889.640.814</b>	<b>(868.685.808)</b>	<b>194.017.941.333</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

			VND
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	
Chi phí lãi vay	99.886.626.906	81.055.806.929	
Thưởng hiệu quả	1.145.000.000	2.525.606.350	
Chi phí bốc xếp hàng hóa	100.000.000	300.000.000	
Khác	720.000.000	348.191.382	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>101.851.626.906</b>	<b>84.229.604.661</b>	

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

			VND
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	
Tạm ứng hoàn lại phải trả	305.888.870.494	567.878.186.499	
Nhận ký quỹ ngắn hạn	162.890.000.000	162.890.000.000	
Khác	4.032.537.843	12.948.842.692	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>472.811.408.337</b>	<b>743.717.029.191</b>	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	466.350.063.025	659.308.409.168	
<i>Bên thứ ba</i>	6.461.345.312	84.408.620.023	

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 19. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	VND
Vay từ ngân hàng (*)	1.671.764.828.392	737.854.452.249	(857.049.657.706)	1.552.569.622.935	

(\*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	998.813.546.025	Từ ngày 24 tháng 6 năm 2019 đến ngày 12 tháng 12 năm 2019	Từ 8,90 đến 9,20	Số dư tài khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng này; các khoản phải thu khách hàng của Công ty; hàng tồn kho; tiền gửi tại ngân hàng; 19.000.000 cổ phiếu AGF thuộc sở hữu của Công ty; và 8.200.000 cổ phiếu VTF thuộc sở hữu của Công ty
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hàm Nghi (**)	553.756.076.910	Từ ngày 10 tháng 10 năm 2017 đến ngày 27 tháng 4 năm 2018	Từ 5,30 đến 7,00	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; máy móc và thiết bị sở hữu bởi Công ty
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.552.569.622.935</b>			

(\*\*) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2019, Công ty chưa thanh toán các khoản vay ngắn hạn phải trả tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại  
thương Việt Nam - Chi nhánh Hàm Nghi ("VCB") với số tiền 553.756.076.910 VND. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty  
đang trong quá trình xin sự phê duyệt của VCB chấp thuận cho việc giãn thời gian thanh toán khoản nợ gốc và lãi vay này trong vòng 8 năm tiếp  
theo.

# Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 20.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</b>						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	2.270.391.980.000	62.796.819.000	(50.963.000.000)	3.688.254.234	(619.904.470.801)	1.666.009.582.433
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	17.027.520.574	17.027.520.574
Khác	(9.070.000)	-	-	-	9.070.000	-
<b>Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018</b>	<b>2.270.382.910.000</b>	<b>62.796.819.000</b>	<b>(50.963.000.000)</b>	<b>3.688.254.234</b>	<b>(602.867.880.227)</b>	<b>1.683.037.103.007</b>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019</b>						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2018	2.270.382.910.000	62.796.819.000	(50.963.000.000)	3.688.254.234	(429.633.144.828)	1.856.271.838.406
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	26.946.207.234	26.946.207.234
<b>Vào ngày 31 tháng 3 năm 2019</b>	<b>2.270.382.910.000</b>	<b>62.796.819.000</b>	<b>(50.963.000.000)</b>	<b>3.688.254.234</b>	<b>(402.686.937.594)</b>	<b>1.883.218.045.640</b>

(\*) Vào ngày 1 tháng 3 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty với tỷ lệ 20% trên số lượng cổ phiếu phổ thông tại ngày này. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu này đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua theo Nghị quyết ngày 9 tháng 4 năm 2015 và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Công văn số 7985/UBCK/QLPH vào ngày 25 tháng 12 năm 2015. Theo đó, vốn cổ phần đã góp của Công ty đã tăng từ 1.891.993.320.000 VND lên 2.270.391.980.000 VND và đã được phê duyệt theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 15 vào ngày 14 tháng 4 năm 2016. Số cổ phiếu bổ sung đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt niêm yết theo Quyết định số 140/QĐ-SGDHCM vào ngày 1 tháng 4 năm 2016. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu này đã làm âm lợi nhuận chưa phân phối lũy kế của Công ty. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang thực hiện một kế hoạch chi tiết để khắc phục việc lợi nhuận chưa phân phối lũy kế bị âm thông qua việc dự kiến tạo ra lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và thanh lý các khoản đầu tư dài hạn của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số dư đầu kỳ	2.270.382.910.000	2.270.391.980.000
Giảm khác	-	(9.070.000)
Số dư cuối kỳ	<u>2.270.382.910.000</u>	<u>2.270.382.910.000</u>

**20.3 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
Cổ phiếu được phép phát hành	227.038.291	227.038.291
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	227.038.291	227.038.291
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(5.096.300)	(5.096.300)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	221.941.991	221.941.991



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.212.829.590.601</b>	<b>1.916.565.200.437</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu nội địa - hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản	1.784.391.731.354	648.400.182.070
Doanh thu xuất khẩu - hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản	356.779.116.707	900.199.046.757
Doanh thu nội địa - hàng hóa	30.348.385.080	352.201.576.780
Doanh thu nội địa - bột cá	25.698.225.490	9.356.050.850
Doanh thu nội địa - mỡ cá	15.260.359.240	5.870.927.140
Doanh thu gia công và dịch vụ khác	351.772.730	537.416.840
<b>Trừ</b>	<b>(8.478.112.244)</b>	<b>(28.866.523.674)</b>
<i>Trong đó:</i>		
Hàng bán bị trả lại	(8.167.585.783)	(28.618.389.600)
Giảm giá hàng bán	(310.526.461)	(248.134.074)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>2.204.351.478.357</u></b>	<b><u>1.887.698.676.763</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu nội địa - hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản	1.784.391.731.354	648.400.182.070
Doanh thu xuất khẩu - hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản	348.301.004.463	871.332.523.083
Doanh thu nội địa - hàng hóa	30.348.385.080	352.201.576.780
Doanh thu nội địa - bột cá	25.698.225.490	9.356.050.850
Doanh thu nội địa - mỡ cá	15.260.359.240	5.870.927.140
Doanh thu gia công và dịch vụ khác	351.772.730	537.416.840
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	779.594.626.610	989.676.706.413
Doanh thu đối với bên liên quan	1.424.756.851.747	898.021.970.350

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018
Cổ tức được chia	1.294.876.946	90.362.032.367
Lãi tiền gửi ngân hàng	900.563.399	1.539.398.811
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	541.971.889	887.449.196
Lãi từ việc thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con	-	325.624.786.652
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.737.412.234</u></b>	<b><u>418.413.667.026</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>
Giá vốn bán nội địa - hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản	1.627.371.791.064	691.102.933.661
Giá vốn bán xuất khẩu - hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản	313.230.324.160	951.779.858.909
Giá vốn bán nội địa - hàng hóa	29.674.548.473	345.542.202.352
Giá vốn bán nội địa - bột cá	25.698.225.490	9.356.050.850
Giá vốn bán nội địa - mỡ cá	15.260.359.240	5.870.927.140
Giá vốn dịch vụ kho lạnh và các dịch vụ khác	1.824.419.622	10.061.227.098
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.013.059.668.049</u></b>	<b><u>2.013.713.200.010</u></b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>
Chi phí lãi vay	64.519.807.531	94.684.834.284
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm	3.148.140.973	3.525.875.607
Khác	744.215.309	1.844.603.890
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>68.412.163.813</u></b>	<b><u>100.055.313.781</u></b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>76.461.469.988</b>	<b>93.044.999.379</b>
Chi phí vận chuyển	70.563.990.652	86.868.981.760
Phí hoa hồng	860.863.804	1.201.456.235
Chi phí dịch vụ mua ngoài	797.982.778	1.206.276.359
Chi phí khấu hao và hao mòn	178.507.031	3.727.196.370
Chi phí khác	4.060.125.723	41.088.655
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>26.713.001.949</b>	<b>81.840.648.833</b>
Chi phí lương	8.344.816.174	9.501.194.364
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.201.134.032	1.688.886.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.715.117.296	2.283.035.513
Chi phí khác	6.451.934.447	68.367.532.531
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>103.174.471.937</u></b>	<b><u>174.885.648.212</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	1.723.981.722.514	1.887.173.665.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	180.243.572.991	195.672.673.051
Chi phí lương	24.377.095.665	24.359.107.141
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.670.659.165	9.908.869.605
Chi phí khác	<u>(919.469.832)</u>	<u>71.484.532.505</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.934.353.580.503</u></b>	<b><u>2.188.598.848.222</u></b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	<u>6.086.449.249</u>	<u>(1.082.885.438)</u>

Dưới đây là đối chiếu (thu nhập) chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>20.859.757.985</u></b>	<b><u>18.110.406.012</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	4.171.951.597	3.622.081.202
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	9.539.812.701	24.220.753
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(258.975.389)	(18.072.406.473)
Lỗi năm trước chuyển sang	(19.539.238.158)	-
Lỗi thuế chuyển sang năm sau	-	15.508.989.956
<b>(Thu nhập) chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>(6.086.449.249)</u></b>	<b><u>1.082.885.438</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận tính thuế của kỳ hiện tại. Lợi nhuận tính thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì lợi nhuận tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**26.3 Lỗ chuyển sang các năm sau**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 626.072.105.654 VND (ngày 30 tháng 9 năm 2018: 723.768.296.445 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai.

Chi tiết các khoản lỗ tính thuế chuyển sang năm sau như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31/3/2019	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/3/2019
2014	2019	21.091.452.304	(21.091.452.304)	-	-
2015	2020	111.072.397.048	(76.604.738.487)	-	34.467.658.561
2016	2021	164.521.558.149	-	-	164.521.558.149
2017	2022	427.082.888.944	-	-	427.082.888.944
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>723.768.296.445</b>	<b>(97.696.190.791)</b>	<b>-</b>	<b>626.072.105.654</b>

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho các kỳ trên chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận cho một phần giá trị lỗ phát sinh như trên theo ước tính lỗ của Ban Tổng Giám đốc về thu nhập chịu thuế có thể phát sinh trong tương lai để sử dụng khoản lỗ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.4 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2019</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>
	VND			
Lỗi tính thuế	41.010.135.465	41.010.135.465	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	3.728.555.706	3.728.555.706	-	-
Chi phí phải trả	393.000.000	634.759.546	(241.759.546)	(275.810.541)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	948.669.593	(5.379.539.202)	6.328.208.795	(807.074.897)
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần</b>	<b><u>46.080.360.764</u></b>	<b><u>39.993.911.515</u></b>		
<b>Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại</b>			<b><u>6.086.449.249</u></b>	<b><u>(1.082.885.438)</u></b>



## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Công ty liên kết	Mua cá nguyên liệu Tạm ứng hoàn lại phải thu Chi phí nuôi cá Doanh thu cho thuê Cổ tức Chi phí trả hộ Nhận tạm ứng Chi phí thuê	205.713.846.990 40.600.000.000 25.807.165.317 27.272.730 - - - -	296.643.356.200 - - 27.272.730 2.890.367.868 25.289.931.507 5.000.000.000 3.452.424.546
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Công ty con	Tạm ứng hoàn lại phải thu Mua thành phẩm và cá giống Bán thành phẩm và cá nguyên liệu Bán thức ăn thủy sản Phí dịch vụ Mua cá nguyên liệu và hàng hóa Doanh thu dịch vụ	90.800.000.000 56.932.934.160 56.142.574.000 21.582.245.080 6.300.000 - -	- 25.445.534.000 45.580.290.000 - 14.917.700 875.801.310 13.591.772
Công ty TNHH Hùng Vương - Sa Đéc	Công ty liên kết	Mua thành phẩm Bán cá nguyên liệu và hàng hóa Tạm ứng hoàn lại phải thu Phí dịch vụ gia công Ký quỹ mua cá nguyên liệu	138.043.252.850 131.216.882.920 29.000.000.000 6.683.090.000 -	5.810.000.000 64.954.407.600 - 8.085.501.722 20.000.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc An Lạc	Công ty con	Cán trừ công nợ Tạm ứng hoàn lại phải trả Cổ tức Thu tiền cho mượn	9.588.156.760 - - -	- 204.609.787.581 78.019.210.403 3.500.000.000

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018
Công ty TNHH Hùng Vương Mascato	Công ty liên doanh	Mua thành phẩm và phụ phẩm Bán cá nguyên liệu và hàng hóa Chi phí trả hộ Phí dịch vụ Doanh thu cho thuê	112.030.368.460 95.522.731.480 11.630.305.261 3.769.286.570 300.000.000	42.547.025.676 34.140.742.000 10.632.966.482 2.373.098.870 300.000.000
Công ty TNHH Hùng Vương - Vĩnh Long	Công ty liên kết	Chi hộ Mua thành phẩm Bán cá nguyên liệu và thành phẩm	31.693.016.740 - -	- 39.000.000.000 14.020.292.000
Công ty TNHH Châu Á	Công ty con	Phí dịch vụ gia công Góp vốn Chi hộ	16.085.180.600 2.570.000.000 5.272.568.029	5.656.230.770 600.000.000 86.722.965



## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Giồng - Chăn nuôi Việt Thắng - An Giang	Công ty trong cùng tập đoàn	Tạm ứng hoạt động	18.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy sản Xuất khẩu Tắc Ván	Công ty con	Cổ tức công bố	1.294.876.946	-
Công ty Cổ phần Hùng Vương Ba Tri	Công ty con	Mua cá giống	920.000.000	384.200.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương - Vĩnh Long	Công ty liên kết	Chi hộ Mua hàng hóa Bán hàng hóa	800.000.000 - -	42.106.100.000 12.831.734.400
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy Sản Hùng Vương Tây Nam	Công ty trong cùng tập đoàn	Bán hàng hóa và máy móc Mua hàng hóa	- -	59.263.834.340 38.202.936.750
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Hùng Vương Cao Lãnh	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua thức ăn thủy sản Bán hàng hóa	- -	10.936.800.000 8.858.318.640

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghệp vụ	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
<b>VND</b>				
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Hùng Vương Cao Lãnh	Công ty trong cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	202.335.160.383	202.335.160.383
Công ty Cổ phần Châu Âu	Công ty con	Bán cá nguyên liệu Bán hàng hóa Bán thành phẩm	170.112.025.336 27.523.561.600 13.994.155.500	130.063.139.900 18.131.961.600 14.948.080.500
Công ty TNHH Ché Biến Thủy sản Hùng Vương Bến Tre	Công ty con	Bán thành phẩm Bán cá nguyên liệu Bán hàng hóa	71.513.868.500 37.888.895.964 12.925.225.000	61.262.974.500 58.227.897.900 10.500.000.000
Công ty TNHH Hùng Vương Mascato	Công ty liên doanh	Bán cá nguyên liệu Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ	94.133.966.480 1.527.641.500 200.000.000	- - -
Công ty TNHH Hùng Vương - Sa Đéc	Công ty liên kết	Bán cá nguyên liệu Bán hàng hóa	59.717.622.157 5.720.000.000	28.828.239.237 3.874.750.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	4.525.917.760	5.705.824.200
Công ty Cổ phần Ché Biến Thủy sản Xuất khẩu Tắc Vân	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	226.539.011	226.539.011
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	90.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Công ty con	Bán cá nguyên liệu	-	36.921.244.256
			<b>702.434.579.191</b>	<b>571.085.811.487</b>

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
				VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Châu Á	Công ty con	Ứng tiền gia công	11.281.122.154	695.561.786
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Hùng Vương	Công ty trong cùng tập đoàn	Ứng tiền mua bảo hiểm	24.695.000	-
			<b>11.305.817.154</b>	<b>695.561.786</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương - Vĩnh Long	Công ty liên kết	Tạm ứng hoàn lại phải thu	185.847.504.676	185.047.504.676
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thăng	Công ty liên kết	Tạm ứng chuyển nhượng phần vốn góp	155.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Công ty trong cùng tập đoàn	Tạm ứng hoàn lại phải thu	84.376.528.235	84.376.528.235
Công ty TNHH Hùng Vương - Vĩnh Long	Công ty liên kết	Tạm ứng hoàn lại phải thu	52.091.187.447	47.118.170.707
Công ty TNHH Hùng Vương - Sa Đéc	Công ty liên kết	Tạm ứng hoàn lại phải thu	44.629.441.299	15.460.944.715
Công ty TNHH Hùng Vương Mascato	Công ty liên doanh	Tạm ứng hoàn lại phải thu	35.621.013.034	23.990.707.773
Công ty TNHH Giống - Chăn nuôi Việt Thăng - An Giang	Công ty trong cùng tập đoàn	Tạm ứng hoàn lại phải thu	26.500.000.000	8.500.000.000
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Công ty liên kết	Tạm ứng hoàn lại phải thu Cổ tức	23.027.942.507 3.350.529.146	59.190.942.507 3.350.529.146

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
VND				
<b>Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)</b>				
Công ty Cổ phần Giống Hùng Vương Bến Tre	Công ty trong cùng tập đoàn	Tạm ứng hoàn lại phải thu	21.407.730.556	21.407.730.556
Công ty TNHH Châu Á	Công ty con	Tạm ứng hoàn lại phải thu	5.521.439.992	3.748.871.963
Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc	Công ty con	Cổ tức	4.168.496.584	4.168.496.584
Ông Lê Nam Thành	Thành viên Hội đồng Quản trị	Tạm ứng hoàn lại phải thu Phải thu chuyển nhượng cổ phần	3.068.963.225	-
			-	255.959.777.331
Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy sản Xuất khẩu Tắc Vân	Công ty con	Cổ tức	2.105.192.216	810.315.270
Công ty Cổ phần Hùng Vương Ba Tri	Công ty con	Chi hộ	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc An Lạc	Công ty con	Khác	857.222	-
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Hùng Vương Bến Tre	Công ty con	Lợi nhuận được chia	-	9.000.000.000
		Tạm ứng hoàn lại phải thu	-	1.280.000.000
			<b>647.016.826.139</b>	<b>723.710.519.463</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	1.184.884.088.587	352.174.520.852
Công ty Cổ phần Châu Âu	Công ty con	Mua thành phẩm	418.767.247.828	409.700.379.758
		Phí dịch vụ gia công	47.311.042.151	34.416.174.290
		Mua phụ phẩm	12.738.370.796	12.738.370.796
		Mua hàng hóa	1.331.696.000	1.142.496.000
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Công ty liên kết	Mua cá nguyên liệu	370.199.425.283	215.487.040.828
		Chi phí thuê	33.420.430.606	7.595.334.000
Công ty TNHH Hùng Vương - Sa Đéc	Công ty liên kết	Mua thành phẩm	277.299.017.552	263.999.686.444
		Dịch vụ gia công	25.813.862.708	18.796.618.208

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
VND				
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)</b>				
Công ty TNHH Chế Biến Thủy sản Hùng Vương Bến Tre	Công ty con	Mua thành phẩm Phí dịch vụ gia công Khác	195.129.920.091 78.084.603.637 86.360.500	195.669.508.617 67.432.955.012 86.360.500
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Hùng Vương Cao Lãnh	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	169.248.770.010	169.248.770.010
Công ty TNHH Hùng Vương Mascato	Công ty liên doanh	Mua thành phẩm Mua phụ phẩm Phí dịch vụ gia công	131.209.246.261 38.410.451.336 11.298.266.493	40.807.473.273 24.145.398.176 7.340.515.593
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	Công ty liên kết	Mua lúa mì Mua hàng hóa	30.651.272.548 15.919.169.600	36.131.178.988 15.919.169.600
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	33.142.761.713	67.849.261.713
Công ty TNHH Hùng Vương - Vĩnh Long	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công và chi phí thuế	19.003.205.574	21.084.435.174
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Công ty con	Mua cá nguyên liệu Mua thành phẩm Mua hàng hóa	947.653.898 - -	40.559.330.840 10.988.520.941 6.954.365.332
Công ty Cổ phần Bông đá Hùng Vương An Giang	Công ty con	Tài trợ bóng đá	6.350.760.000	6.350.760.000
Công ty Cổ phần Hùng Vương Ba Tri	Công ty con	Mua cá giống	4.199.232.236	3.279.232.236
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Hùng Vương	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua bảo hiểm hàng hóa	-	51.358.400
Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy sản Xuất khẩu Tác Vân	Công ty con	Mua hàng hóa	-	15.948.523
			<b>3.105.446.855.408</b>	<b>2.029.965.164.104</b>

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán sáu tháng giữa niên độ, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
VND				
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Công ty trong cùng tập đoàn	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	92.300.550.030	92.300.550.030
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương - Vĩnh Long	Công ty liên kết	Tạm ứng mua hàng hóa	28.240.000.000	28.240.000.000
Công ty TNHH Hùng Vương - Vĩnh Long	Công ty liên kết	Tạm ứng mua thành phẩm	5.144.731.428	31.572.779.700
Công ty Cổ phần Châu Âu	Công ty con	Khác	66.810.168	66.810.168
			<b>125.752.091.626</b>	<b>152.180.139.898</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Địa ốc An Lạc	Công ty con	Tạm ứng hoàn lại phải trả	279.276.618.555	287.904.140.762
Công ty Cổ phần Châu Âu	Công ty con	Nhận đặt cọc	112.890.000.000	112.890.000.000
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Hùng Vương Bến Tre	Công ty con	Tạm ứng hoàn lại phải trả	443.444.470	102.774.268.406
Công ty TNHH Hùng Vương - Vĩnh Long	Công ty liên kết	Ký quỹ	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH An Lạc	Công ty trong cùng tập đoàn	Tạm ứng hoàn lại phải trả	23.740.000.000	23.740.000.000
Công ty TNHH Hùng Vương - Sa Đéc	Công ty liên kết	Ký quỹ	20.000.000.000	20.000.000.000
Bà Trần Ngọc Vân	Trưởng Ban Kiểm soát	Tạm ứng hoàn lại phải trả	-	74.000.000.000
Ông Lê Nam Thành	Thành viên Hội đồng Quản trị	Tạm ứng hoàn lại phải trả	-	8.000.000.000
			<b>466.350.063.025</b>	<b>659.308.409.168</b>
			<b>3.697.549.010.059</b>	<b>2.841.453.713.170</b>

Tổng phải trả các bên liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết góp vốn***

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, Công ty có các nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào công ty con như sau:

	<i>Theo GCNĐKKD</i>		<i>Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019</i>	
	<i>Vốn điều lệ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Vốn điều lệ đã góp</i>	<i>Vốn điều lệ chưa góp</i>
	<i>VND</i>	<i>%</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Hùng Vương Ba Tri	<u>20.000.000.000</u>	80,00	-	<u>16.000.000.000</u>

***Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn***

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, Công ty có khoản cam kết trị giá 16.243.978.207 VND (ngày 30 tháng 9 năm 2018: 16.243.978.207 VND) liên quan đến việc thuê đất tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (*Thuyết minh số 11*).

***Cam kết khác***

Liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần tại VTF cho đối tác thứ ba, Công ty có cam kết với đối tác rằng doanh thu của VTF trong năm 2019 phải đảm bảo không thấp hơn giá trị như đã cam kết.

Nếu cam kết trên không đạt được, đối tác sẽ được nhận thêm một số lượng cổ phần của Công ty tại VTF mà không phải thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho Công ty. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đã xin được chấp thuận của đối tác về việc điều chỉnh giảm doanh thu cam kết cho năm 2018 bằng số thực tế và đang trao đổi để xin được sự chấp thuận của đối tác về việc điều chỉnh lại điều khoản cam kết doanh thu VTF của năm 2019. Theo đó, không có khoản điều chỉnh giảm số lượng cổ phiếu nào được sở hữu bởi Công ty tại VTF được ghi nhận trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

**29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2019</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2018</i>
Ngoại tệ các loại		
- USD	16.310	1.808.672
- EUR	-	435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày


**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 100% vốn góp trong Công ty TNHH Giồng - Chăn nuôi Việt Thắng An Giang ("Việt Thắng An Giang") và Công ty TNHH Giồng - Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định ("Việt Thắng Bình Định") từ cổ đông hiện hữu của các công ty này với tổng giá trị chuyển nhượng lần lượt là 80.000.000.000 VND và 100.000.000.000 VND và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục hồ sơ pháp lý có liên quan.

Ngoài ra, vào ngày 10 tháng 5 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc thanh lý 100% vốn góp trong Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc ("Hùng Vương Sông Đốc"), công ty con của Công ty, cho bên thứ ba với tổng giá trị chuyển nhượng là 32.130.000.000 VND. Theo đó, Hùng Vương Sông Đốc không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không còn các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

  
Lê Nguyễn Hoàng Quân  
Người lập

  
Trần Hiếu Hòa  
Kế toán trưởng



  
Dương Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 6 năm 2019